

Số: **1310** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **10** tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 28 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực (có Phụ lục Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính kèm theo) gồm:

- 07 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nhà ở; 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản; 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hoạt động xây dựng; 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng;

- 04 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm; 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước; 03 thủ tục hành

chính lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng thuộc thẩm quyền quản lý chuyên ngành của Sở Công Thương;

- 06 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc thẩm quyền quản lý chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông;

- 06 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quản lý công sản; 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài chính.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Giao các Sở, Ban, ngành có liên quan:

- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính kèm theo Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt về các Bộ, ngành có liên quan theo quy định;

- Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi đã được Chính phủ, các Bộ, ngành thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

2. Giao Sở Tư pháp kiểm tra, đôn đốc các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (L).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **1310** /QĐ-UBND ngày **10** tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 50 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điểm g, Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 78/2011/TT- BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 50 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điểm h, Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 78/2011/TT- BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Đề án thành lập trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 36 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điểm c, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 78/2011/TT- BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 35 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 10/2014/TT- BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ của khu bảo tồn biển.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 33 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 24/2013/TT- BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

6. Thủ tục Giao rừng đối với tổ chức

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Mục 5, Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 20/2016/TT- BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

7. Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

7.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Mục 5, Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 20/2016/TT- BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

II. LĨNH VỰC NHÀ Ở

1. Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi Điểm c, Khoản 2, Điều 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điểm đ, Khoản 2, Điều 69 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 32 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

5. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 32 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

6. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

7. Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

7.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi Điểm đ, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

8. Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

8.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi Điểm c, Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

9. Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

9.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 5, Điều 54 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

10. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu của nhà nước

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

10.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 5, Điều 60 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

11. Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

11.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 77 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

III. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Quốc hội sửa đổi Điểm e, Khoản 1, Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 35%.

2. Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Quốc hội sửa đổi Điểm e, Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 35%.

3. Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng /thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh cấp II, cấp III

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điểm b, Khoản 8, Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 35%.

V. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

1. Thủ tục cấp Giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quản lý

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 2, Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

VI. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Điểm a, b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

2.1. Cấp lại đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng; Cấp lại do cơ sở thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

2.1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 50 %.

2.2. Cấp lại đối với trường hợp Giấy chứng do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

2.2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian chờ thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

4.1. Cấp lại đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng; Cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh

4.1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian chờ thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

4.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 50 %.

4.2 Cấp lại đối với trường hợp Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

4.2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian chờ thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công thương sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

4.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

VII. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện thủ tục cấp Giấy phép bán buôn thuốc lá cho các doanh nghiệp mới thành lập hoặc thành lập chưa đủ 03 năm.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ Điểm đ, Khoản 2, Điều 27 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 1 %.

VIII. LĨNH VỰC LƯU KHÍ DẦU MỎ HÓA LÔNG

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ loại hình thương nhân phân phối khí, tổng đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được quy định tại Điều 11 và Khoản 6 Điều 42 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Lý do: Quy định loại hình thương nhân tổng đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng tạo ra nhiều tầng nấc trong hệ thống phân phối khí, bắt buộc các thương nhân phải là thương nhân tổng đại lý để phân phối các sản phẩm của mình đến người tiêu dùng; điều này làm tăng chi phí sản xuất, kinh doanh, từ đó người tiêu dùng sẽ bị ảnh hưởng bởi chất lượng và giá cả.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ Điều 11 và Khoản 6 Điều 42 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100%.

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ loại hình thương nhân phân phối khí, đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được quy định tại Điều 12 và Khoản 7 Điều 42 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Lý do: Quy định loại hình thương nhân đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng tạo ra nhiều tầng nấc trong hệ thống phân phối khí, bắt buộc các thương nhân phải là thương nhân đại lý để phân phối các sản phẩm của mình đến người tiêu dùng; điều này làm tăng chi phí, mất thời gian cho các cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ Điều 12 và Khoản 7 Điều 42 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100%.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng LPG chai

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đề nghị Chính phủ bãi bỏ nội dung "Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt" được quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí và nội dung "Cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai" được quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ.

Lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật đầu tư năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư, thì kinh doanh khí là ngành nghề kinh doanh nằm trong danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (phụ lục 4) vì theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư thì cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại phụ lục 4 Luật đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Hiện nay điều kiện kinh doanh cửa hàng bán LPG chai được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP trong đó, Khoản 4 Điều 13 quy định cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai (thường có quy mô nhỏ) có địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều này dẫn đến hạn chế việc đầu tư, mở rộng hệ thống cửa hàng kinh doanh LPG chai của các tổ chức, cá nhân dẫn đến không tạo được môi trường cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh LPG chai.

b) Đề nghị Chính phủ bãi bỏ Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí: "Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối".

Lý do: Quy định này không phù hợp với trường hợp thương nhân mới đăng ký hoạt động kinh doanh khí. Vì thương nhân mới hoạt động kinh doanh khí chưa đủ điều kiện thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối. Vì vậy, quy định này không khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh để tạo sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh khí.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ Khoản 1, Khoản 4 Điều 13; Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 8%.

IX. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Điểm c, Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

5. Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Điểm b, Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

6. Thủ tục cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 8 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

X. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch môi trường;

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch môi trường;

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch môi trường;

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch môi trường.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch môi trường.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

6. Thủ tục chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

XI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN

1. Trình tự, thủ tục điều chuyển TSNN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

2. Trình tự, thủ tục bán, chuyển nhượng TSNN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

3. Trình tự, thủ tục thanh lý TSNN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Khoản 2, Điều 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

4. Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 81/2011/TT-BTC ngày 09/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định của Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

5. Thủ tục xác định giá đất tính thu tiền sử dụng hoặc tính thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của doanh nghiệp được phép chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí cũ

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 12 Thông tư số 81/2011/TT-BTC ngày 09/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số

quy định của Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.

XII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi Điều 13 Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ cắt giảm là 20%.
